TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bạch Linh

2. Bà Nguyễn Thị Phượng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

Trong ngày 10/12/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 243/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/11/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thủy T, sinh năm 2005.

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh S, L -Y, sinh ngày 18/8/1993.

Địa chỉ: Số H, đường P, khóm A, phường Đ, khu T, thành phố T, Lãnh thổ Đài Loan.

Người đại diện giao nhận văn bản của anh S, L - Y: Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường C (phường D, quận E cũ), thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Lê Thị Thủy T và anh S, L - Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thủy T trình bày:

Chị Lê Thị Thủy T và anh S, L - Yuan tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126/2024 ngày 16/10/2024. Sau khi kết hôn, chị T và anh S, L - Yuan sống chung tại Đài Loan. Trong quá trình sống chung, giữa chị T và anh S, L - Yuan phát sinh nhiều mâu

thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, hai bên không thể chia sẽ, quan tâm, chăm sóc và cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Từ tháng 7/2025, chị T đã về Việt Nam sinh sống và ly thân với anh Y cho đến nay. Do đó, chị Lê Thị Thủy T yêu cầu được ly hôn với anh S, L - Y.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh S, L - Yuan không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo Bản tự khai và đơn ý kiến cùng ngày 25/8/2025, bị đơn S, L - Yuan trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị T về thông tin kết hôn, tình trạng hôn nhân. Ý kiến của anh S, L – Yuan đối với yêu cầu khởi kiện của chị T như sau:

Về hôn nhân: Anh S, L - Y thống nhất ly hôn với chị Lê Thị Thủy T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Thị Thủy T và anh S, L - Yuan kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (viết tắt Luật HNGĐ) đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ quy định tại Điều 127 Luật HNGĐ thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025 (viết tắt là Bộ luật TTDS), thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Chị Lê Thị Thủy T có địa chỉ cư trú: Số B, ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S, L - Yuan là vụ án về Hôn nhân và gia đình với quan hệ pháp luật "Tranh chấp Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật TTDS. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật TTDS.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị T và anh Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/11/2025 và anh Y có Đơn ý kiến đề ngày 25/8/2025 được hợp thức hóa lãnh sự theo quy định tại khoản 1 Điều 478 Bộ luật TTDS, theo đó anh Y xin vắng mặt trong suốt quá trình

tố tụng. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật TTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Chị Lê Thị Thủy T và anh S, L - Yuan kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2024 tại Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Y. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về mâu thuẫn: Chị T và anh Y kết hôn với nhau là do mai mối. Sau khi kết hôn chị T và anh Y chung sống với nhau tại Đài Loan. Trong thời gian sống chung thì phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm sống, không thể chia sẽ, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau. Từ tháng 7/2025, chị T đã về Việt Nam sinh sống cho đến nay.

Về khả năn hàng gắn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đối với anh Y cũng đã có văn bản ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Cho nên, rõ ràng hiện nay, giữa chị T và anh Y không giải quyết được mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn tình cảm.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị T và anh Y đã phát sinh mâu thuẫn, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thủy T đối với anh S, L - Yuan theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là đảm bảo quyền tự quyết và định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Chị Lê Thị Thủy T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quyền kháng cáo:

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 273, 479 của Bộ luật TTDS.

Anh Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật TTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238, 273, 470, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thủy T.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thủy T được ly hôn với anh S, L - Y.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2024 ngày 16/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thủy T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004380 ngày 13/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Thủy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh S, L - Yuan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đồng Tháp;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã P, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Xuyến